TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **129/2018/KDTM-PT**
Ngày: 02/10/2018
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Thanh Bình

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*: Ông Trần Văn Lừng - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại, thụ lý số 64/2018/TLPT-KDTM ngày 18 tháng 6 năm 2018 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/ KDTM-ST ngày 10/01/2018 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2018 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 384/2018/QĐ-HPT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

1.***Nguyên đơn:*** Quỹ tín dụng nhân dân QT. (gọi tắt là nguyên đơn)

Địa chỉ trụ sở: Số 132 đường QT, phường QT, quận HĐ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị H

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh H và bà Trần Thị Kim T (theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2018) (có mặt).

2.***Bị đơn:*** Bà Đào Thị Ái L (gọi tắt là bị đơn)

Trú tại: Số 7F, khu tập thể 3 tầng, phường NT, quận HĐ, Thành phố Hà Nội (có mặt).

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:***

- Hộ gia đình ông Vũ Văn Ngồm: ông Vũ Văn N, bà Lê Thị V; anh Trịnh Tiến H (cháu Trịnh Minh N, sinh năm 2001 - con đẻ của anh H, chị N do anh H và chị N làm người đại diện), anh Nguyễn Thành T (cháu Nguyễn Lan P, sinh năm 2002; cháu Nguyễn Viết Phú N, sinh năm 2013 - do anh T là bố đẻ làm người đại diện).

Đều trú tại: Số 28 phố PĐG, phường QT, quận HĐ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Văn N: Ông Trịnh Khánh T (sinh năm 1972, CMND số 001072000399 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 14/6/2013) (có mặt).

Địa chỉ: số 16 ngách 3 ngõ 814 đường L, phường LT, quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội

- Cháu Đỗ Thảo N, sinh năm 2011- do chị Vũ Thị H làm người đại diện.

Hộ khẩu thường trú: Số 28 phố PĐG, phường QT, quận HĐ, Thành phố Hà Nội.

Hiện ở tại: Tổ 6 phường YN, quận HĐ, Thành phố Hà Nội.

- Ông Bạch D, sinh năm 1966.

HKTT: Số 7F, khu tập thể 3 tầng, phường NT, quận HĐ, Thành phố Hà Nội.

Hiện ở tại: Số 36, tổ dân phố 9, phường PL, quận HĐ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của ông Bạch D : Bà Đào Thị Ái L (theo văn bản ủy quyền ngày 12/9/2018).

4. ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và có yêu cầu độc lập:***

- Chị Vũ Thị Ng, sinh năm 1981 và chị Vũ Thị Thúy B, sinh năm 1977.

Đều trú tại: Số 28 phố PĐG, phường QT, quận HĐ, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

- Chị Vũ Thị H, sinh năm 1983.

Hộ khẩu thường trú: Số 28 phố PĐG, phường QT, quận HĐ, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

Hiện ở tại: Tổ 6 phường YN, quận HĐ, Thành phố Hà Nội.

- Chị Vũ Thị M, sinh năm 1979

HKTT: Số 250, tổ 4, phường LK, quận HĐ, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

5. Người kháng cáo: Bà Trần Thị H - Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị đơn và Nguyên đơn đã ký 02 Hợp đồng tín dụng với mục đích để bị đơn bổ sung vốn kinh doanh: Hợp đồng tín dụng số 2012-1-00035 ngày 18/01/2012 vay 1.500.000.000 đồng, lãi suất 1,92%/tháng, lãi suất tiếp theo được điều chỉnh khi có quyết định điều chỉnh lãi suất tiền vay, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, thời hạn vay 06 tháng; tiền lãi trả hàng tháng, tiền gốc trả một lần vào ngày 19/7/2012. Ngày 19/01/2012, Nguyên đơn đã giải ngân toàn bộ khoản vay trên cho Bị đơn.

Hợp đồng tín dụng số 2012-1-00212 ngày 12/4/2012, Nguyên đơn đã giải ngân cho Bị đơn vay 300.000.000 đồng, lãi suất 1,7%/tháng, lãi suất tiếp theo sẽ được điều chỉnh khi có quyết định điều chỉnh lãi suất tiền vay, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, thời hạn vay 04 tháng; tiền lãi trả hàng tháng, tiền gốc trả một lần vào ngày 12/8/2012.

Theo Nguyên đơn: Ngày 09/5/2011, tại Văn phòng Công chứng Miền Bắc ông Vũ Văn N ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S649047 cấp ngày 26/5/2004 cho hộ ông Vũ Văn N) diện tích 126,5m^2 đất tại số 28 PĐG, phường QT, quận HĐ, thành phố Hà Nội để thế chấp, bảo lãnh cho toàn bộ khoản vay của Bị đơn theo 02 hợp đồng tín dụng trên (Hợp đồng số 10/HĐTC-BL). Quá trình thực hiện 02 hợp đồng, tính đến ngày 28/9/2012 Bị đơn đã trả được 220.860.000 đồng tiền lãi; còn số nợ gốc được gia hạn đến ngày 19/01/2013. Tuy nhiên, đến ngày 19/01/2013 Bị đơn vẫn không trả được tiền gốc nên Nguyên đơn đã chuyển các khoản nợ của Bị đơn sang nợ xấu và áp dụng mức lãi suất quá hạn của cả hai khoản nợ là 22,5%/năm, tính từ ngày 19/9/2012.

Sau đó, Bị đơn trả thêm được 9.000.000 đồng, Nguyên đơn trừ vào tiền gốc.

Ngày 10/12/2013 Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hà Đông yêu cầu Bị đơn phải trả cho Quỹ tín dụng số tiền còn nợ theo hai hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 10/01/2018 là 3.969.535.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.791.000.000 đồng; tiền lãi là 2.178.535.000 đồng). Trường hợp Bị đơn không trả được số nợ trên thì đề nghị buộc ông Vũ Văn N thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ thay Bị đơn theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng bảo lãnh số 10/HĐTC-BL ngày 09/5/2011 và "Bản cam kết" ngày 11/4/2012. Trường hợp ông Vũ Văn N không thanh toán được số nợ trên thì đề nghị phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Tại Tòa sơ thẩm, Bị đơn thừa nhận việc ký kết và quá trình thực hiện 02 hợp đồng tín dụng như Nguyên đơn trình bày là đúng. Do thực tế hoàn cảnh kinh tế của Bị đơn hiện nay rất khó khăn, chưa có khả năng để trả nợ. Bị đơn đề nghị Nguyên

đơn cho thêm thời gian để trả dần, đồng thời tạo điều kiện giảm tiền lãi và không phát mại tài sản đảm bảo.

Ông Vũ Văn N thừa nhận có dùng tài sản để bảo lãnh cho Bị đơn vay vốn của Nguyên đơn. Nay Bị đơn gặp khó khăn nên đề nghị Nguyên đơn cho thêm thời gian để Bị đơn trả nợ dần, đồng thời đề nghị giảm tiền lãi cho Bị đơn và không phát mại tài sản bảo đảm vì gia đình ông không có chỗ ở nào khác.

Tại cấp sơ thẩm bà Lê Thị V trình bày: Năm 2003 bà kết hôn với ông N. Khi về chung sống có đưa cho ông N 500.000 đồng để xây nhà, do vậy ngôi nhà thế chấp là tài sản chung của bà và ông Na. Việc ông Na làm hồ sơ thế chấp, bảo lãnh bà không được biết và không được tham gia. Mặt khác trên đất có 03 ngôi nhà, nhưng trong hợp đồng thế chấp, bảo lãnh lại chỉ ghi "nhà 3 tầng" là không đúng thực tế. Vì vậy, bà đề nghị hủy Hợp đồng bảo lãnh số 10/HĐTC-BL ngày 09/5/2011; đồng thời đề nghị Nguyên đơn cho thêm thời gian để Bị đơn trả nợ dần.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 37 là của ông Vũ Văn N và bà Nguyễn Thị N (vợ cả của ông Na) mua năm 1994. Năm 2001 bà N chết không để lại di chúc nên các con của ông N, bà N có quyền đối với thửa đất này, ông N không có quyền tự quyết định toàn bộ thửa đất. Mặt khác, ngoài nhà của ông N trên đất có 02 ngôi nhà do vợ chồng anh T, chị B và vợ chồng anh H, chị N tự làm, không phải tài sản của ông N. Đề nghị Tòa án xem xét quyền lợi của các con ông N, bà N là các chị Vũ Thị M, Vũ Thị Thúy B, Vũ Thị N, Vũ Thị H đối với thửa đất và đề nghị hủy hợp đồng bảo lãnh số 10/HĐTC-BL ngày 09/5/2011 do không được đăng ký giao dịch bảo đảm.

- **Về yêu cầu độc lập**: Các chị Vũ Thị M, Vũ Thị Thúy B, Vũ Thị N, Vũ Thị H có yêu cầu độc lập đề nghị xác định thửa đất số 37 là tài sản chung của ông Vũ Văn N và bà Nguyễn Thị N. Do bà N chết không để lại di chúc nên thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của những người thừa kế theo pháp luật của bà N gồm: ông N, chị M, chị B, chị N và chị H.

Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 21, diện tích 126,5m^2 tại số 28 PĐG, phường QT, thị xã HĐ, tỉnh HT (nay là phường QT, quận HĐ, thành phố Hà Nội) đứng tên ông Vũ Văn N trong sổ mục kê năm 1998. Ngày 26/5/2004 thửa đất trên đã được Ủy ban nhân dân thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S649047 cho hộ ông Vũ Văn N. Tại biên bản xem xét, thẩm định tài sản ngày 10/6/2014 thể hiện Trên đất hiện có 03 ngôi nhà xây dựng tách biệt gồm 02 ngôi nhà 04 tầng và 01 nhà 03 tầng. Kể từ thời điểm ký hợp đồng thế chấp đến nay hiện trạng không có gì thay đổi. Những người hiện đang sinh sống tại nhà, đất này gồm ông Vũ Văn N, bà Lê Thị V, anh Trịnh Tiến H, chị Vũ Thị N, cháu Trịnh Minh N, anh Nguyễn Thành T, chị Vũ Thị Thúy B, cháu Nguyễn Lan P, cháu Nguyễn Viết

Phú N. Chị Vũ Thị H và cháu Đỗ Thảo N có tên trong sổ hộ khẩu gia đình ông N nhưng hiện không ở tại đây.

Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân quận Hà Đông đã xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cña Nguyên đơn đối với Bị đơn về việc buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2012-1-00035 ngày 18/01/2012 và Hợp đồng tín dụng số 2012-1-00212 ngày 12/4/2012.

Buộc Bị đơn phải thanh toán trả cho Nguyên đơn số tiền còn nợ của cả 02 hợp đồng tính đến ngày 10/01/2018 là 3.969.535.000 đồng (Ba tỷ chín trăm sáu mươi chín triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng), trong đó: Tiền gốc: 1.791.000.000 đồng; tiền lãi: 2.178.535.000 đồng. Bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi của số tiền nợ gốc nêu trên cho Nguyên đơn theo mức lãi suất Hợp đồng tín dụng số 2012-1-00035 ngày 18/01/2012 và Hợp đồng tín dụng số 2012-1-00212 ngày 12/4/2012 cho đến khi trả hết nợ gốc.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về việc buộc ông Vũ Văn N có trách nhiệm trả thay Bị đơn toàn bộ số tiền nợ nêu trên theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng bảo lãnh số 10/HĐTC-BL ngày 09/5/2011 và "Bản cam kết" ngày 11/4/2012.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và nhà ở tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 21, diện tích 126,5m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S649047 cấp cho hộ ông Vũ Văn Na ngày 26/5/2004 để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Nguyên đơn có trách nhiệm trả lại cho ông Vũ Văn N toàn bộ giấy tờ của tài sản bảo đảm nêu trên nếu tài sản này không dùng để thế chấp, bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ nào khác với Nguyên đơn.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của các chị Vũ Thị M, Vũ Thị Thúy B, Vũ Thị N Vũ Thị H đề nghị xác định thửa đất số 37 nêu trên mang tên hộ ông Vũ Văn N là tài sản chung của ông Vũ Văn N và các chị Vũ Thị M, Vũ Thị Thúy B, Vũ Thị N, Vũ Thị H.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018 bà Trần Thị H - đại diện theo pháp luật của Nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm không làm rõ trách nhiệm của việc đăng ký thế chấp, xác định giá trị hợp đồng thế chấp, quy trình đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký nhà đất quận Hà Đông. Trong thời gian tạm ngừng phiên tòa, lại tiến hành các hoạt động bổ sung như đưa thêm người tham gia tố tụng, mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải là vi phạm nghiêm trọng tố tụng dân sự.

Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng theo trình tự phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, Bị đơn và đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Văn N có đơn đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải giữa các bên, các đương sự khác có đơn đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt.

Theo đề nghị của các đương sự, Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án. Tại buổi hòa giải ngày 28/9/2018 và tại phiên tòa Phúc thẩm, đại diện Nguyên đơn, Bị đơn và đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Văn N đã thống nhất và thỏa thuận được các nội dung cần giải quyết trong vụ án và đề nghị Tòa án ghi nhận những nội dung sau: Bị đơn xác nhận còn nợ Nguyên đơn số tiền là 1.791.000.000 đồng nợ gốc và 2.178.535.000 đồng nợ lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Các bên thống nhất về nghĩa vụ thanh toán, thời gian thanh toán, về nghĩa vụ bảo lãnh và về việc xử lý tài sản thế chấp như sau:

Về nghĩa vụ thanh toán, thời gian thanh toán: Bị đơn và ông Bạch D có trách nhiệm thanh toán cho Nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc nêu trên. Thời hạn cuối cùng Bị đơn phải thanh toán hết số nợ gốc cho Nguyên đơn là vào ngày 30/6/2019. Nếu Bị đơn thanh toán hết số tiền nợ gốc trong thời hạn nêu trên thì Nguyên đơn có nghĩa vụ giảm ½ tổng số tiền lãi tính đến thời điểm Bị đơn thanh toán hết số tiền nợ gốc.

Về nghĩa vụ và trách nhiệm bảo lãnh: Các bên thống nhất là trong trường hợp Bị đơn và ông Bạch D không thực hiện đúng cam kết thanh toán toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi như thỏa thuận nêu trên thì ông Vũ Văn N cam kết sẽ là người thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ cho Bị đơn.

Về tài sản thế chấp, các đương sự thống nhất: Nguyên đơn không có quyền xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 21, diện tích 126,5m2, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S649047 do UBND thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay là phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) cấp ngày 26/5/2004 cho hộ gia đình ông Vũ Văn N tại địa chỉ số 28 phố PĐG, phường QT, thị xã HĐ, tỉnh HT (nay là phường QT, quận HĐ, thành phố Hà Nội) theo Hợp đồng bảo lãnh số 10/HĐTC-BL ngày 09/5/2011 được công chứng tại Văn phòng công chứng Miền Bắc, số công chứng 9268, quyển 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/5/2011 để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Nguyên đơn có trách nhiệm trả lại cho ông Vũ Văn N toàn bộ giấy tờ của tài sản đảm bảo nêu trên theo như thỏa thuận của các bên tại buổi hòa giải và phiên tòa hôm nay.

Các nội dung khác tại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hà Đông đã tuyên, các đương sự đề nghị giữ nguyên.

Về án phí: Các đương sự đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi phân tích đã nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện về hợp đồng tín dụng mà Nguyên đơn đã ký với Bị đơn là có căn cứ. Xác định Nguyên đơn chuyển lãi quá hạn và áp dụng lãi suất theo các quyết định điều chỉnh lãi là có căn cứ. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã có đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải, nội dung các đương sự hòa giải trong vụ án là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm theo Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các nội dung khác tại bản án sơ thẩm các đương sự đề nghị giữ nguyên là phù hợp với quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đơn kháng cáo trong hạn luật định đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ.

Sau khi xét xử sơ thẩm Nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án. Tại cấp sơ thẩm, tất cả các đương sự trong vụ án đã có lời khai. Quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, Tòa án đã tống đạt Giấy triệu tập theo quy định, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đã tống đạt cho các đương sự trong vụ án theo quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, ông N ủy quyền cho ông Trịnh Khánh T, ông Bạch D ủy quyền cho Bị đơn là hợp lệ; chị Vũ Thị M, Vũ Thị Thúy B, Vũ Thị N, Vũ Thị H có lời khai và có đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt, nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo:

Xét thấy trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm và tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về các nội dung cần giải quyết trong vụ án, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định pháp luật và trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và cần sửa bản án sơ thẩm theo quy định tại điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hà Đông đã tuyên, các đương sự không kháng cáo, Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 148; Điều 300; Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 357; Điều 361- Bộ luật dân sự năm 2005.

- Khoản 1 Điều 322; Khoản 2, khoản 4 điều 327; Điều 335 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch đảm bảo và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/ KDTM-ST ngày 10/01/2018 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", giữa: Nguyên đơn với bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án với nội dung như sau:

- Xác nhận Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền là 1.791.000.000 đồng nợ gốc và 2.178.535.000 đồng nợ lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, theo Hợp đồng tín dụng số 2012-1-00035 ngày 18/01/2012 và Hợp đồng tín dụng số 2012-1-00212 ngày 12/4/2012.

- Các bên thống nhất về nghĩa vụ thanh toán, thời gian thanh toán, về nghĩa vụ bảo lãnh và về việc xử lý tài sản thế chấp như sau:

+ Về nghĩa vụ thanh toán, thời gian thanh toán: Bị đơn và ông Bạch D có trách nhiệm thanh toán cho Nguyên đơn oàn bộ số tiền nợ gốc nêu trên. Thời hạn cuối cùng Bị đơn phải thanh toán hết số nợ gốc cho Nguyên đơn vào ngày 30/6/2019. Trường hợp, Bị đơn thanh toán hết số tiền nợ gốc trong thời hạn nêu trên thì Nguyên đơn có nghĩa vụ giảm ½ tổng số tiền lãi tính đến thời điểm Bị đơn thanh toán hết số tiền nợ gốc.

+ Về nghĩa vụ và trách nhiệm bảo lãnh: Các bên thống nhất là trong trường hợp Bị đơn và ông Bạch D không thực hiện đúng cam kết thanh toán toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi như thỏa thuận nêu trên thì ông Vũ Văn N cam kết sẽ là người thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ cho Bị đơn.

+ Về tài sản thế chấp, các đương sự thống nhất: Nguyên đơn không có quyền xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 21, diện tích 126,5m^2, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S649047 do UBND thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay là phường Quang Trung, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội) cấp ngày 26/5/2004 cho hộ gia đình ông Vũ Văn N tại địa chỉ số 28 phố PĐG, phường QT, thị xã HĐ, tỉnh Hà Tây (nay là phường QT, quận HĐ, Thành phố Hà Nội) theo Hợp đồng bảo lãnh số 10/HĐTC-BL ngày 09/5/2011 được công chứng tại Văn phòng công chứng Miền Bắc, số công chứng 9268, quyển 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/5/2011 để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

- Nguyên đơn có trách nhiệm trả lại cho ông Vũ Văn N toàn bộ giấy tờ của tài sản đảm bảo nêu trên theo như thỏa thuận của các bên tại buổi hòa giải ngày 28/9/2018 và phiên tòa phúc thẩm.

Các nội dung khác tại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hà Đông đã tuyên có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Nguyên đơn không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm do sửa bản án sơ thẩm. Hoàn trả Nguyên đơn số tiền 2.000.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 1138 ngày 24/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn phải nộp 111.390.700 đồng tiền án phí Kinh doanh, thương mại sơ thẩm;

- Các chị Vũ Thị M, Vũ Thị N, Vũ Thị Thúy B, Vũ Thị H mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm (được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí các chị đã nộp theo các biên lai số 0003726, 0003727, 0003726, 0003726 cùng

ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội).

- Trả lại Quỹ tín dụng nhân dân Quang Trung 45.990.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009657 ngày 13/12/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND T/P Hà Nội;
- TAND quận Hà Đông;
- Chi cục THADS quận Hà Đông;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Bình